TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 371/2026/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H,** sinh năm 1989

ĐKHKTT: Thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P

- Bị đơn: Anh **Hà Ngọc T1,** sinh năm 1980

ĐKHKTT: Thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Đinh Thị H1 – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị H và anh Hà Ngọc T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị H và anh T1 có 02 (hai) con chung là Hà Ngọc Đ, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Hà Thị Ngọc C, sinh ngày 20/9/2015. Khi ly hôn, anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Đ và cháu C kể từ tháng 10/2026 đến khi từng cháu thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1 do anh T1 tự nguyện không có yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không

ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng:* Chị H và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Hà Thị H và anh Hà Ngọc T1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Tân Sơn;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Mai